

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 18/10/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 18/10/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2025, với các nội dung sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

a) Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được giao tại Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/11/2022 và Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố để duy trì và từng bước đưa công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố đi vào hoạt động ổn định, nề nếp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm về lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhằm cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn thành phố.

b) Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm thiểu tác động tiêu cực của chất thải rắn sinh hoạt tới môi trường và sức khỏe con người; đảm bảo cảnh quan, môi trường khu vực đô thị, vùng nông thôn trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; thay đổi từ nhận thức đến hành động để từng bước thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, lưu giữ, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý rác thải phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật.

## **2. Yêu cầu**

a) Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2025 dựa trên công tác quản lý, phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở từng quận, huyện, thành phố trực thuộc và thực trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; đảm bảo sự ổn định trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các quận, huyện.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố trực thuộc và các đơn vị liên quan trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2025 theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

## **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

1. 100% các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố phải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và duy trì hiệu quả ổn định, bền vững.

2. Đảm bảo 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Phấn đấu 99% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế, làm phân compost hoặc tự xử lý tại các hộ gia đình thành phân compost để sử dụng tại chỗ.

## **III. NỘI DUNG**

1. Phương án thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Việc tổ chức lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định tại Luật Đầu thầu năm

2023, khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác tại Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/11/2022 và Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố do tổ chức/hộ gia đình/cá nhân thực hiện chi trả theo quy định.

2. Nguồn ngân sách nhà nước: từ kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường được cấp năm 2025 và các nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật.

3. Nguồn kinh phí xã hội hoá của các tổ chức, cá nhân.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

b) Đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi được giao quản lý theo quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố trực thuộc và các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thanh tra, kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo thẩm quyền.

d) Tham mưu rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; tập trung tham mưu thực hiện hoàn thành việc xây dựng quy trình kỹ thuật, định mức, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Giao Sở Tài chính:

a) Báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để thực hiện Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

### 3. Giao Sở Giao thông Vận tải:

a) Thực hiện tổ chức giao thông theo quy định tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định tổ chức giao thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định pháp luật khác liên quan.

b) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an thành phố tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các phương tiện vận chuyển chất thải rắn vượt quá tải trọng.

### 4. Giao Công an thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường phát hiện tội phạm về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

### 5. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin truyền thông

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên, cộng đồng nhằm chuyển biến thành hành động cụ thể về giảm thiểu rác thải phát sinh, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định để tăng cường công tác quản lý chất thải rắn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

### 6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Chủ động xây dựng chương trình, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại Mục 4 Thông báo số 221/TB-UBND ngày 16/8/2024.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý của

quận, huyện, thành phố trực thuộc. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị dịch vụ công ích thực hiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn về xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn tập trung thành phố; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về tính chính xác của các thông tin, số liệu cung cấp.

d) Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

đ) Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, báo cáo kết quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định; xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân trên địa bàn thành phố tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có hoạt động về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- UBMTTQVN và các đoàn thể TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, thành phố trực thuộc;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## PHỤ LỤC

**PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Tên quận, huyện, thành phố	KL phát sinh (tấn/ngày)	KL thu gom, xử lý (tấn/ngày)	KL tái chế, tái sử dụng (tấn/ngày)	KL sản xuất mùn, phân compost, làm chức ăn chăn nuôi (tấn/ngày)	KL đốt (tấn/ngày)		KL chôn lấp (tấn/ngày)		Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh (%)	Địa điểm xử lý	Đơn vị chủ trì quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý	Đơn vị phối hợp thực hiện
						Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh					
1	2	3	$4=(5+6+7+8+9+10)$	5	6	7	8	9	10	$11=4/3$	$12=(5+6+7+9)/4$	13	14	15
<b>I</b>	<b>Đô thị</b>	<b>1456</b>	<b>1456</b>	<b>244</b>	<b>168</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1044</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>100</b>			
1	Ngô Quyền	181	181	14	27			140		100	100	Các khu xử lý thành phố	Sở nguyên và môi trường	Tài Môi các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND các quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh, UBND các phường và các đơn vị có liên quan
2	Hồng Bàng	141	141	8	18			115		100	100			
3	Lê Chân	300	300	67	43			190		100	100			
4	Hải An	185	185	55	20			110		100	100			
5	Kiến An	95	95	5	10			80		100	100	Khu xử lý chất thải rắn Trảng Cát và Đình Vũ		
6	Đồ Sơn	65	65	3	10			52		100	100			
7	Dương Kinh	58	58	4	5			49		100	100			
7.1	<i>phường Tân Thành, KĐT Anh Dũng-Sao Đỏ, TTHC quận, quét đường 353</i>	10	10	4	5			9						

TT	Tên quận, huyện, thành phố	KL phát sinh (tấn/ngày)	KL thu gom, xử lý (tấn/ngày)	KL tái chế, tái sử dụng (tấn/ngày)	KL sản xuất mùn, phân compost, làm chức ăn chăn nuôi (tấn/ngày)	KL đốt (tấn/ngày)		KL chôn lấp (tấn/ngày)		Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh (%)	Địa điểm xử lý	Đơn vị chủ trì quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý	Đơn vị phối hợp thực hiện
						Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh					
7.2	Các phường còn lại	48	48					40					- Thu gom, vận chuyển: UBND quận Dương Kinh - Xử lý: Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND quận Hải An, UBND các phường và các đơn vị có liên quan
8	An Dương	135	135	26	16			93		100	100			
8.1	Phường Lê Lợi	34	34	6	4			24				Khu xử lý chất thải rắn Trảng Cát và Đình Vũ, quận Hải An	UBND quận An Dương	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND quận Hải An; UBND các phường và các đơn vị có liên quan
8.2	09 phường còn lại	101	101	20	12			69					- Thu gom, vận chuyển: UBND quận An Dương; - Xử lý: Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Thủy Nguyên	296	296	62	19	0	0	215		100	100			
9.1	03 Phường: Minh Đức, Dương Quan, Thủy Đường	66,0	66,0	7,0	6,0			53,0				Khu xử lý CTR Minh Tân	UBND thành phố Thủy Nguyên	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan

TT	Tên quận, huyện, thành phố	KL phát sinh (tấn/ngày)	KL thu gom, xử lý (tấn/ngày)	KL tái chế, tái sử dụng (tấn/ngày)	KL sản xuất mùn, phân compost, làm chức ăn chăn nuôi (tấn/ngày)	KL đốt (tấn/ngày)		KL chôn lấp (tấn/ngày)		Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh (%)	Địa điểm xử lý	Đơn vị chủ trì quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý	Đơn vị phối hợp thực hiện
						Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh					
9.2	- 05 Phường: Hoa Động, Lưu Kiếm, Hoà Bình, Trần Hưng Đạo, Hoàng Lâm; - 02 xã: Ninh Sơn, Liên Xuân	89	89	21	6	0	0	62	0			Khu liên hợp xử lý CTR Gia Minh	UBND thành phố Thủy Nguyên	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan
9.3	- 09 Phường: Thiên Hương, Lê Hồng Phong, Tam Hưng, An Lư, Thủy Hà, Phạm Ngũ Lão, Lập Lễ, Nam Triệu Giang, Quảng Thanh; - 02 xã: Bạch Đằng, Quang Trung	141	141	34	7	0	0	100	0			Khu liên hợp xử lý CTR Gia Minh	- Thu gom, vận chuyển: UBND thành phố Thủy Nguyên; - Xử lý: Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan
<b>II</b>	<b>Nông thôn</b>	<b>607</b>	<b>600</b>	<b>119</b>	<b>175</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>297</b>	<b>5</b>	<b>99</b>	<b>99</b>			
10	An Lão	140	139	39	39	4		57		99	100			



TT	Tên quận, huyện, thành phố	KL phát sinh (tấn/ngày)	KL thu gom, xử lý (tấn/ngày)	KL tái chế, tái sử dụng (tấn/ngày)	KL sản xuất mùn, phân compost, làm chức ăn chăn nuôi (tấn/ngày)	KL đốt (tấn/ngày)		KL chôn lấp (tấn/ngày)		Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh (%)	Địa điểm xử lý	Đơn vị chủ trì quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý	Đơn vị phối hợp thực hiện
						Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh					
10.1	04 xã: An Tiến, An Thái, An Thọ, Chiến Thắng	23	23	6	6			10				Khu liên hợp xử lý CTR Gia Minh	- Thu gom, vận chuyển: UBND huyện An Lão; - Xử lý: Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải; UBND huyện Thủy Nguyên; UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan
10.2	xã Quang Trung	7	7	2	1	4						Lò đốt xã Quang Trung	UBND huyện An Lão	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan
10.3	xã Tân Dân	6	6	2	2			2				Bãi rác Tân Dân		
10.4	11 xã, thị trấn còn lại	104	103	29	30			45				Khu liên hợp xử lý CTR Gia Minh		
11	Tiên Lãng	121	119	48	53	0	0	18		98	100	Các bãi rác trên địa bàn huyện	UBND huyện Tiên Lãng	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND các xã và các đơn vị có liên quan.
12	Vĩnh Bảo	152	151	15	76	0	0	60		99	100	Các bãi rác trên địa bàn huyện	UBND huyện Vĩnh Bảo	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND các xã và các đơn vị có liên quan.

TT	Tên quận, huyện, thành phố	KL phát sinh (tấn/ngày)	KL thu gom, xử lý (tấn/ngày)	KL tái chế, tái sử dụng (tấn/ngày)	KL sản xuất mùn, phân compost, làm chức ăn chăn nuôi (tấn/ngày)	KL đốt (tấn/ngày)		KL chôn lấp (tấn/ngày)		Tỷ lệ thu gom, xử lý (%)	Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh (%)	Địa điểm xử lý	Đơn vị chủ trì quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý	Đơn vị phối hợp thực hiện
						Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh					
13	Kiến Thụy	77	75	5	6			64		97	100	Khu xử lý chất thải rắn Trảng Cát và Đình Vũ, quận Hải An	UBND huyện Kiến Thụy	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND quận Hải An, UBND các xã và các đơn vị có liên quan
14	Cát Hải	111	111	11				99	2	100	99			
14.1	Đào Cát Hải	15	15	1				14				Khu xử lý chất thải rắn Trảng Cát/ Đình Vũ	UBND huyện Cát Hải	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, UBND quận Hải An, UBND các xã và các đơn vị có liên quan
14.2	Xã Việt Hải	2	2						2			Bãi xã Việt Hải		
14.3	Đào Cát Bà	94	94	10				85				Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà		
15	Bạch Long Vỹ	6	5	1	1				3	83	40	Bãi rác huyện	UBND huyện Bạch Long Vỹ	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và các đơn vị có liên quan